| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HẢI HẬU**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 17/2023/DS-ST
Ngày: 09 - 02 - 2023
*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Trung Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Ngọc Phán;

Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thọ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 6, xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lâm Thị M, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm 6, xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Vũ Thị L (tên gọi khác Mai Thị T), sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm 6, xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 25/7/2022 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lâm Thị H trình bày*:

Bà và bà Lâm Thị M có quen biết do cùng ở xóm 6, xã HL. Từ năm 2014 đến năm 2017, bà đã cho bà M vay vàng nhiều lần, lý do vay bà M nói để đóng

hội và giúp anh em. Đến nay bà M còn nợ bà tổng cộng 23,8 chỉ vàng loại 9999, cụ thể:

- Ngày 05/7/2014 bà M vay 07 chỉ vàng 9999, bà viết giấy biên nhận và bà M ký tên là "M Huy". Bà M đã trả nợ vào các ngày 05/10/2014 trả 02 chỉ vàng, ngày 05/02/2015 trả 02 chỉ vàng, ngày 05/6/2015 trả 02 chỉ vàng và đều viết vào giấy biên nhận trên nên chỉ còn nợ 01 chỉ vàng.

- Ngày 05/02/2017 bà M nợ suất góp hội cho bà là 02 chỉ vàng gốc và 04 phân lãi. Bà Mai Thị T (tức Vũ Thị L) là chủ hội vàng đã viết xác nhận cho bà vì bà M đi vắng không góp.

- Ngày 18/7/2017 bà M xác nhận vay của bà 18 chỉ vàng 9999 và xác nhận nợ suất góp hội nhà bà T là 02 chỉ 04 phân vàng. Bà M đã ký, viết tên "M – Lâm Thị M".

Nguồn gốc số vàng cho bà M vay là của gia đình bà, còn lại là nợ do bà M chưa góp hội cho bà khi bà được rút hội. Bà cho bà M vay vàng thì chồng bà không biết nên không yêu cầu triệu tập chồng bà tham gia giải quyết việc đòi nợ.

Khi vay hai bên có thoả thuận miệng tính lãi mỗi chỉ vàng là 20.000 đồng/tháng. Bà M có trả được một vài tháng nhưng do bà không ghi chép lại nên không nhớ đã nhận bao nhiêu tiền lãi và lần cuối cùng nhận lãi vào thời gian nào, còn gốc thì bà M chưa trả.

Bà đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà M đều khất nợ và đã bỏ đi khỏi địa phương, bà M có số điện thoại 0944681602 nhưng cũng không liên lạc được, bà chỉ nghe thông tin bà M và chồng con vào tỉnh Bình Phước làm ăn, sinh sống nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Tại xóm 6, xã HL thì gia đình bà M vẫn còn 01 căn nhà cấp 4 nhưng khoá cửa không có người ở.

Nay bà yêu cầu bà Lâm Thị M phải trả cho bà số nợ gốc là 23,8 chỉ vàng 9999; không yêu cầu trả lãi. Bà không yêu cầu chồng bà M là ông Phạm Văn H phải liên đới trả nợ vì ông H bị câm điếc không hỏi vay bà.

Bị đơn là bà Lâm Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ bằng các phương thức niêm yết công khai và đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng mà không có lý do, không gửi văn bản ý kiến cho Toà án nên không ghi nhận được ý kiến của bà M đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị H.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/10/2022, người làm chứng bà Vũ Thị Là (tức Mai Thị T) trình bày:*

Bà là người cùng xóm với bà Lâm Thị H và bà Lâm Thị M. Bà biết bà H và bà M cùng tham gia 01 hội vàng do bà Thắng làm chủ hội, sau đó bà Thắng chết nên gia đình nhờ bà đứng ra giúp đi thu vàng góp hội của 16 thành viên để giao cho thành viên được lĩnh hội. Bà M được lĩnh hội suất thứ 4 được 16 chỉ vàng gốc và 06 phân vàng lãi, bà thu vàng của các thành viên giao cho bà M nhận. Đến khi bà H được lĩnh hội ngày 05/02/2017 thì bà M đã bỏ đi khỏi địa phương, không gửi vàng về góp trả bà H nên bà đã viết giấy xác nhận cho bà H

là bà M còn nợ vàng góp hội cho bà H là 2,4 chỉ vàng. Do bận công việc nên bà xin được vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến*:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị H; buộc bà Lâm Thị M phải trả 23,8 chỉ vàng 9999 cho bà Lâm Thị H. Bà Lâm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lâm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Lâm Thị M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Người làm chứng bà Vũ Thị L (tức Mai Thị T) có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên toà xét xử vắng mặt các đương sự, người làm chứng trên.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Lâm Thị H khởi kiện yêu cầu đòi nợ vàng đã cho vay và nợ vàng góp hội đối với bị đơn bà Lâm Thị M có địa chỉ cư trú tại xóm 6, xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do bà Lâm Thị H cung cấp là các bản gốc gồm: 01 Giấy viết tay ngày 05/7/2014 có nội dung ghi "Thím M vay 7 chỉ vàng" và ký tên "M H", dưới mục trên có chữ viết tay ghi ngày 05/10/2014 trả 02 chỉ vàng, ngày 05/02/2015 trả 02 chỉ vàng, ngày 05/6/2015 trả 02 chỉ vàng nhưng không có chữ ký của ai; 01 giấy viết tay ghi còn nợ vàng hội nhà bà T là 02 chỉ 04 phân có chữ ký, chữ viết " M - Lâm Thị M" nhưng không ghi ngày tháng năm; 01 giấy viết tay ngày 18/7/2017 dương lịch có nội dung "Em Lâm Thị M có nợ chị H Thuấn số vàng 18 chỉ vàng" và có chữ ký "M – Lâm Thị M" và 01 01 giấy viết tay ngày 05 tháng 02 năm 2017 có ghi "Chị Lâm Thị M chưa đóng hội cho chị Lâm Thị H số vàng là 02 chỉ 04 phân lãi" có chữ viết "Trưởng hội - Mai Thị T". Đến nay bà Lâm Thị H yêu cầu bà Lâm Thị M trả nợ tổng số là 23,8 chỉ vàng 9999. Xét thấy bị đơn bà Lâm Thị M đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng. Trong quá trình tố tụng,

Toà án đã liên lạc theo số điện thoại 0354279273 của anh Lâm Văn Vũ là con trai của bà M, anh Vũ đồng ý thông tin cho bà M biết theo yêu cầu của Toà án nhưng bà M vẫn cố tình vắng mặt, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Do đó căn cứ khoản 2, 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có căn cứ khẳng định bà Lâm Thị M đã vay vàng và còn nợ vàng góp hội của bà Lâm Thị H tổng cộng 23,8 chỉ vàng loại 9999 là có thật. Đến nay bà Lâm Thị M không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả nợ cho bà H nên bà H khởi kiện yêu cầu bà Lâm Thị M trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 166, 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Đối với ông Phạm Văn H là chồng của bà Lâm Thị M nhưng không ký tên vào các giấy biên nhận nợ của bà H. Bà H cũng thừa nhận ông H bị câm điếc bẩm sinh không hỏi vay bà, bà H cũng không yêu cầu ông H phải liên đới cùng bà M trả nợ nên không xem xét về trách nhiệm liên đới của ông H là phù hợp pháp luật.

[6] Về lãi: Trong quá trình tố tụng, bà Lâm Thị H trình bày việc cho vay có lãi, do không ghi chép nên bà không nhớ số lãi đã nhận và đến nay không yêu cầu giải quyết về lãi. Do bị đơn bà Lâm Thị M vắng mặt, không có ý kiến gì về lãi đã trả do đó không xem xét giải quyết về lãi của số vàng gốc vay, sau này bà M trở về và có tranh chấp về lãi vàng đã trả thì giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Bị đơn bà Lâm Thị M có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại thời điểm xét xử, giá vàng trung bình giữa mua vào và bán ra trên thị trường đối với loại vàng 9999 (24K) được xác định là: (5.360.000 đồng/chỉ + 5.440.000 đồng/chỉ) : 2 = 5.400.000 đồng/chỉ.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 166, 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị H về việc đòi nợ vàng đối với bà Lâm Thị M.

2. Buộc bà Lâm Thị M phải trả 23,8 (hai mươi ba phẩy tám) chỉ vàng 9999 cho bà Lâm Thị H.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Bà Lâm Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 6.426.000đ (sáu triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phạm Trung Kiên**